TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14 – 02 – 2023
V/v: *Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 14/02/2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1989. HKTT: Thôn TP, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ cần báo: Thôn HQ, xã HĐ, huyện CL, tỉnh TG. Chị Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1977; HKTT và địa chỉ cần báo: Thôn TP, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/12/2022, được bổ sung tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Vi Thị Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Trần Mạnh H quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại UBND xã TH, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hai vợ chồng không được hạnh phúc. Mặt khác vợ chồng sống chung với bố chồng và có xảy ra xích mích bố chồng nàng dâu, bố chồng và chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị Đ. Mặc dù nhiều lần hai vợ chồng và gia đình hai bên ngồi lại nói chuyện nhưng vẫn không giải quyết được

mâu thuẫn. Từ năm 2021 cho đến nay, chị Đ đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Nay chị Đ thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh Trần Mạnh H.

- *Về nuôi con chung*: Chị Đ trình bày quá trình chung sống chị và anh Trần Mạnh H có 02 con chung cháu Trần Vi L, sinh ngày 25/10/2009 và Trần Vi A, sinh ngày 04/12/2011. Hiện nay các con đều đang sinh sống với anh H. Nguyện vọng sau khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao cả 02 con cho anh H nuôi dưỡng, chị Đ sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị Đ trình bày quá trình chung sống chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Vi Thị Đ quá trình tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại UBND xã TH, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian. Về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Đ ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Mặc dù anh H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Đ vẫn chứng nào tật nấy. Đến tháng 5/2021 chị Đ tự ý bỏ nhà đi để lại 02 đứa con và các chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi nợ. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về nuôi con chung*: Anh H trình bày quá trình chung sống anh và chị Vi Thị Đ có 02 con chung là cháu Trần Vi L, sinh ngày 25/10/2009 và Trần Vi A, sinh ngày 04/12/2011. Hiện nay các con đều đang sinh sống với anh H. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu chị Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh H trình bày quá trình chung sống anh và chị Đ không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Chị Đ và anh H đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai. Tuy nhiên, ngày 05/01/2023 chị Đ đã gửi đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và các phiên xét xử vì lý do đang đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị không thể trực tiếp tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt của nguyên đơn. Anh Trần Mạnh H cũng trình bày ý kiến do chị Đ vắng mặt vì điều kiện chị đi lại khó khăn, công việc bận rộn anh cũng không muốn hòa giải các lần tiếp theo, anh vẫn giữ nguyên ý kiến như bản tự khai.

Tòa án đã lập biên bản hoãn phiên hòa giải và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vi Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Trần Mạnh H có địa chỉ cư trú: Thôn TP, xã TĐ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Vi Thị Đ là nguyên đơn và anh Trần Mạnh H là bị đơn; anh chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vi Thị Đ và anh Trần Mạnh H đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại UBND xã TH, huyện T, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân theo trình bày của chị H là sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không tìm được tiếng nói chung và sự xích mích, xúc phạm từ phía bố chồng và cả chồng nên mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Chị Đ đã bỏ nhà đi làm ăn từ năm 2021 và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H trình bày nguyên nhân chủ yếu là do chị Đ ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, sau đó tự ý bỏ nhà ra đi để lại các con thơ và các chủ nợ thường xuyên đến nhà để đòi nợ. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, xử cho chị Đ được ly hôn với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung:

Chị Vi Thị Đ và anh Trần Mạnh H cùng khai có 02 con chung: cháu Trần Vi L, sinh ngày 25/10/2009 và Trần Vi A, sinh ngày 04/12/2011. Hiện nay các con đều đang sinh sống với anh H. Xét thấy, trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân do mâu thuẫn, các con chung sống chung với anh H và được anh chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Anh H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, phù hợp với nguyện vọng của chị Đ muốn giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng và chị Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi L, Vi A muốn được ở với ba sau khi ba mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao các cháu Trần Vi L, sinh ngày 25/10/2009 và Trần Vi A, sinh ngày 04/12/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị Vi Thị Đ, anh Trần Mạnh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung:

Chị Đ, anh H đều thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001381 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vi Thị Đ được ly hôn anh Trần Mạnh H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung cháu Trần Vi L, sinh ngày 25/10/2009 và Trần Vi A, sinh ngày 04/12/2011 cho anh Trần Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi L, Vi A muốn được ở với ba sau khi ba mẹ ly hôn. Chị Đ tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Vi L và cháu Trần Vi A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực triếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001381 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND xã Thanh Hóa, H. Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đức Bản Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thị Tuyết Minh